CERAN HV

Bản Đặc Tính Kỹ Thuật

Mỡ

Mỡ Phức Calcium Sulfonate chịu nhiệt cao, kháng nước và chịu cực áp

Ứng Dụng

Mỡ đa dụng
kháng nước chịu tải nặng
Ứng dụng cho ngành thép

Sự khuyến nghị

- **CERAN HV** là loại mỡ chịu cực áp, được thiết kế đặc biệt để bôi trơn các ổ trục công nghiệp hoạt động ở nhiệt độ cao và tải trọng cao trong ngành công nghiệp thép.
- **CERAN HV** cũng thích hợp như một loại mỡ đa dụng EP, trong các ứng dụng công nghiệp khác nơi có nước thường xuyên tiếp xúc với mỡ.
- Luôn luôn tránh làm bẩn mỡ do bụi bẩn và/hoặc bụi đất khi tra mỡ. Ưu tiên sử dụng hệ thống bơm hơi.

Hiệu Năng

- ISO 6743-9: L-XBFHB 1/2
- DIN 51 502: KP1/2R-25
- Các hiệu năng đáp ứng mọi yêu cầu của Voith VN108 đối với các bộ phận ướt và sấy khô.

Ưu Điểm

Mỡ đa dụng
Chịu tải cao
Chịu nước
Chịu nhiệt cao
Chống ăn mòn

- Nhờ công thức đặc chế và dự trữ về hiệu năng, CERAN HV đáp ứng hầu hết các yêu cầu công nghiệp khắt khe của các nhà sản xuất vòng bi công nghiệp.
- Tính ổn định cơ khí và nhiệt tuyệt hảo. Nó trở lại cấu trúc ban đầu khi nhiệt độ giảm.
- Khả năng chịu tải siêu việt nhờ các đặc tính chống mài mòn và chịu cực áp cao tự nhiên.
- Khả năng chịu nước hữu hiệu, không bị mất độ đặc thậm chí khi có một lượng nước lớn xâm nhập vào mỡ.
- Có các đặc tính chống ôxy hóa và chống ăn mòn tuyệt hảo nhờ bản chất tự nhiên của calcium sulfonate, cũng như khi có sự xâm nhập của nước biển.

Không chất độc hại

- **CERAN HV** không chứa chì, hoặc các kim loại nặng khác gây nguy hại cho sức khỏe và môi trường.

Đặc Tính Kỹ Thuật

Các Đặc Tính Tiêu Biểu	Phương pháp	Đơn vị tính	CERAN HV
Xà phòng / Chất làm đặc		-	Calcium Sulfonate
Phân loại NLGI	ASTM D 217/DIN 51 818	-	1-2
Màu	Bằng mắt	-	Màu nâu
Sự thể hiện	Bằng mắt	-	Mịn/Dính
Nhiệt độ làm việc		^{O}C	-25 đến 180
Độ xuyên kim ở 25^{O}C	ASTM D 217/DIN 51 818	0.1 mm	280 – 310
Thử tải trên máy 4 bi	ASTM D 2596	kgf	500
Đặc tính chống rỉ SKF-EMCOR	DIN 51 802/IP220/NFT60-135/ISO 11007	Mức	0 – 0
Điểm nhỏ giọt	IP 396/NF T 60 102 C	^{O}C	>300
Độ nhớt dầu gốc ở 40^{O}C	IP 396/NF T 60 102 C	mm^2/s (cSt)	420

Các thông số trên đại diện cho các giá trị trung bình dùng làm thông tin tham khảo

Mỡ này khi được sử dụng theo khuyến nghị và cho mục đích đã dự định, sẽ không có mối nguy hiểm đặc biệt nào.
Bản đặc tính an toàn tuân theo pháp chế EC hiện hành có thể được cung cấp bởi Công Ty TNHH Total Việt Nam.